New words checking

Từ vựng	Nghĩa	Từ vựng	Nghĩa
	Cái bảng		Con quay
	Búp bê		Xe đạp
	Người máy		Đoàn tàu
	Bức tranh		Cửa sổ
	Cái bàn		Máy bay
	Chiếc thuyền		Cái trống
	Gấu bông		Đĩa bay
	Cái ghế		Bóng bay
	Cửa ra vào		yô-yô
	Ô tô		Quả bóng
	Xếp hình		Áo choàng

Balloon Boat Train Puzzle Chair Plane
Teddy bear Board Coat Picture Window
Frisbee Doll Yo-yo Table Top Car
Ball Robot Drum Door Bike

LIVEWORKSHEETS